

BỘ CÔNG THƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1214/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hướng dẫn và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng
thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới
và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thị trường trong nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao ban hành kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.

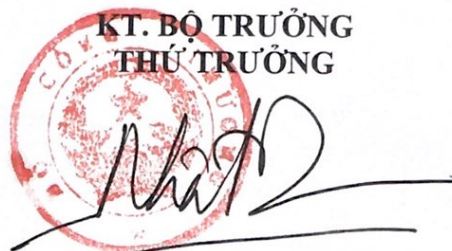
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCĐTW các CTMTQG (đề b/c);
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Thủ trưởng Đồ Thắng Hải;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố;
- Cục CTĐP;
- Lưu: VT, TTTN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân



**HƯỚNG DẪN
THỰC HIỆN VÀ XÉT CÔNG NHẬN
TIÊU CHÍ CƠ SỞ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN
TRONG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI
VÀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021 – 2025**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1214/QĐ-BCT
ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Hướng dẫn này quy định về yêu cầu, tiêu chí xem xét, đánh giá và công nhận xã đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, bao gồm: Chợ nông thôn và cơ sở bán lẻ khác (siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp).

Trong Hướng dẫn này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn” là hạ tầng thương mại được thiết lập tại địa bàn nông thôn, bao gồm chợ nông thôn hoặc cơ sở bán lẻ khác (siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp) theo tiêu chí quy định cụ thể đối với từng loại hình tại Chương II của Hướng dẫn này.

2. Nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường thuộc thị xã, quận và thành phố (theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn).

3. Chợ nông thôn là chợ truyền thống ở các vùng nông thôn thuộc khu vực địa giới hành chính cấp xã không bao gồm địa bàn phường thuộc thị xã, quận và thành phố và đáp ứng các tiêu chí quy định tại Chương II của Hướng dẫn này.

4. Cơ sở bán lẻ khác:

4.1. Siêu thị mini ở nông thôn là loại hình siêu thị mini theo quy định tại Khoản 11 Điều 3 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ và đáp ứng các tiêu chí quy định tại Chương II của Hướng dẫn này.

4.2. Cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp ở nông thôn là loại hình cơ sở bán lẻ quy mô nhỏ và đáp ứng các tiêu chí quy định tại Chương II của Hướng dẫn này.

5. Điểm kinh doanh tại chợ là quầy hàng, sạp hàng, ki ốt, cửa hàng được bố trí trong phạm vi chợ.

**Chương II
TIÊU CHÍ CƠ SỞ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN**

I. Chợ nông thôn

Chợ nông thôn đạt tiêu chí khi đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Về mặt bằng, diện tích xây dựng chợ:

a) Có mặt bằng phù hợp với quy mô hoạt động; bố trí đủ diện tích cho các hộ kinh doanh cố định, không cố định và các dịch vụ thiết yếu tại chợ.

b) Diện tích tối thiểu cho một điểm kinh doanh trong chợ là $3m^2$.

2. Về kết cấu nhà chợ chính:

a) Nhà chợ chính phải bảo đảm được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy định.

b) Nền chợ phải được bê tông hóa.

3. Về yêu cầu đối với các bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình:

a) Có bảng hiệu thể hiện tên chợ, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của đại diện tổ chức quản lý chợ.

b) Có khu vệ sinh bố trí nam, nữ riêng, phù hợp với quy mô của chợ.

c) Có địa điểm trông giữ xe (ngoài trời hoặc có mái che) đáp ứng và phù hợp nhu cầu mua, bán tại chợ, đảm bảo an toàn, trật tự.

d) Khu bán thực phẩm tươi sống, khu dịch vụ ăn uống được bố trí riêng, bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm.

e) Có nước sạch, nước hợp vệ sinh bảo đảm cho hoạt động của chợ.

f) Có phương án và hệ thống cấp điện theo quy định đảm bảo cho hoạt động của chợ.

g) Có khu thu gom, lưu chứa rác và kế hoạch vận chuyển rác trong ngày về khu xử lý tập trung của địa phương.

h) Có hệ thống rãnh thoát nước bảo đảm tiêu thoát, dễ dàng thông tắc.

i) Có thiết bị và phương án bảo đảm phòng cháy, chữa cháy cho chợ theo quy định.

4. Về điều hành quản lý chợ:

a) Có tổ chức quản lý chợ; việc tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý thực hiện theo quy định.

b) Có Nội quy chợ được niêm yết công khai để điều hành hoạt động, xử lý vi phạm tại chợ.

c) Có sử dụng cân đối chứng, thiết bị đo lường phù hợp để người tiêu dùng tự kiểm tra về số lượng, khối lượng hàng hóa.

d) Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện phải đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

II. Cơ sở bán lẻ khác

Cơ sở bán lẻ khác ở nông thôn đạt tiêu chí khi đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Siêu thị mini

a) Có bảng hiệu thể hiện tên siêu thị, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của đại diện tổ chức, cá nhân quản lý.

b) Có thời gian mở cửa phù hợp cho việc mua sắm hàng ngày của người dân.

c) Có diện tích kinh doanh tối thiểu là $200m^2$; có bố trí nơi để xe hoặc phương án trông giữ xe và khu vệ sinh phù hợp cho khách hàng.

d) Danh mục hàng hóa kinh doanh từ 500 tên hàng trở lên; hàng hóa được tổ chức, bố trí theo ngành hàng, nhóm hàng một cách văn minh, khoa học, thuận lợi cho việc mua sắm, thanh toán, kiểm tra, theo dõi và quản lý.

e) Có kho và các thiết bị kỹ thuật cần thiết cho bảo quản hàng hóa (tủ đông, tủ mát...); cho đóng gói, bán hàng (giá, kệ, giỏ, móc treo...); cho thanh toán và quản lý kinh doanh (thiết bị và phần mềm quản lý...); có nơi bảo quản hành lý cá nhân.

f) Các công trình kiến trúc được xây dựng vững chắc, có trang bị kỹ thuật đảm bảo việc phòng cháy, chữa cháy, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

g) Hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại siêu thị mini không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện phải đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp

a) Có bảng hiệu thể hiện tên cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của đại diện tổ chức quản lý.

b) Có thời gian mở cửa phù hợp cho việc mua sắm hàng ngày của người dân.

c) Có diện tích kinh doanh tối thiểu là $50m^2$ và có nơi để xe với quy mô phù hợp.

d) Danh mục hàng hóa kinh doanh từ 200 tên hàng trở lên.

e) Có bố trí quầy hoặc khu vực phù hợp để trưng bày hoặc bán hàng hóa nông sản của địa phương.

f) Công trình kiến trúc được xây dựng vững chắc, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, thuận tiện cho khách hàng.

g) Có trang thiết bị cần thiết (tủ đông, tủ mát, kệ, giá...).

h) Tổ chức, bố trí, sắp xếp và ghi chép hàng hóa một cách văn minh, khoa học, thuận lợi cho việc mua sắm, theo dõi, kiểm tra, quản lý.

i) Hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện phải đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III
XÉT CÔNG NHẬN XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ
CƠ SỞ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN MỚI

I. Đối với xã có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Xã được công nhận đạt Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới khi đáp ứng một trong các nội dung sau:

1. Có chợ nông thôn nằm trong quy hoạch, kế hoạch phát triển, định hướng phát triển và đạt chuẩn theo quy định tại Mục I, Chương II của Hướng dẫn kèm theo Quyết định này.

2. Trường hợp xã không có chợ nông thôn: Có siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định tại Mục II, Chương II của Hướng dẫn kèm theo Quyết định này.

Việc xét, công nhận xã đạt Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới được thực hiện theo thứ tự ưu tiên: Xã có “Chợ nông thôn” được ưu tiên xét, công nhận trước; Trường hợp xã không có “Chợ nông thôn” thì “Cơ sở bán lẻ khác” được đưa ra để xem xét, đánh giá và xét công nhận.

II. Đối với xã không có hoặc chưa có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Trường hợp xã không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn hoặc có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng thì không xem xét Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

Việc xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới được thực hiện trên cơ sở xem xét, đánh giá các tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

Chương IV
XÉT CÔNG NHẬN XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ CƠ SỞ
HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

I. Đối với xã có chợ nông thôn

Xã được công nhận đạt Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới nâng cao khi đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

(i) Là xã có chợ đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định tại Mục I Chương II của Hướng dẫn kèm theo Quyết định này và đồng thời có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm đáp ứng một phần hoặc đầy đủ các tiêu chí quy định tại TCVN 11856:2017 về chợ kinh doanh thực phẩm.

(ii) Là xã có chợ đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định tại Mục I Chương II của Hướng dẫn kèm theo Quyết định này và đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm đã được quy định tại TCVN 11856:2017.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ hướng dẫn của Bộ Công Thương để lựa chọn, xây dựng bộ tiêu chí và đánh giá xét công nhận cho phù hợp với điều kiện thực tiễn phát triển của địa phương.

II. Đối với xã không có hoặc chưa có chợ nông thôn

Trường hợp xã không có chợ nông thôn hoặc có chợ nông thôn trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng thì không xem xét Tiêu chí cơ sở hạ tầng nông thôn mới nâng cao.

Việc xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao được thực hiện trên cơ sở xem xét, đánh giá các Tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (UBND cấp tỉnh) căn cứ hướng dẫn tại Quyết định này có trách nhiệm:

1. Ban hành quy định và hướng dẫn chi tiết Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn phục vụ cho việc xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2. Chỉ đạo Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng mới hoặc rà soát, sửa đổi, bổ sung quy hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với thực tế tại địa phương.

3. Ban hành cơ chế, chính sách thu hút đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành về ưu đãi đầu tư.

4. Xây dựng cơ chế hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương, kinh phí xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn hợp pháp khác cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

5. Chỉ đạo Sở Công Thương tổng hợp, đánh giá việc thực hiện Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và gửi báo cáo (6 tháng, báo cáo tổng kết năm) về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.

6. Về kinh phí

6.1. Kinh phí thực hiện các hoạt động (tập huấn, hướng dẫn thực hiện, công tác kiểm tra, đánh giá tình hình, đánh giá kết quả) của Bộ Công Thương được cấp từ nguồn kinh phí hàng năm của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phân bổ cho Bộ Công Thương và các nguồn kinh phí sự nghiệp khác.

6.2. Kinh phí thực hiện các hoạt động của địa phương do địa phương cân đối, phân bổ nguồn kinh phí để thực hiện theo quy định./.